TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST
Ngày 15/ 6 /2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Văn Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Dược, ông Phạm Văn Miền

-Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Minh Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Đinh Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/6/2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; địa chỉ: Tháp BIDV, 194 Trần Quang KH, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, T phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Đức T, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Đ - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam G; địa chỉ: 117 Trần Phú, T phố Pleiku, tỉnh G. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Bùi Hoàng H, sinh năm 1981; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh G; chỗ ở hiện tại: Thôn 06, thị trấn C, huyện C, tỉnh G. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị H1, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú: Thôn Hợp Hòa, xã Ia Drang, huyện C, tỉnh G; chỗ ở hiện nay: Thôn 06, thị trấn C, huyện C, tỉnh G. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Đức T trình bày:*

Ngày 05 tháng 06 năm 2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho ông Bùi Hoàng H vay số tiền 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3909758/HĐTD ngày 05 tháng 6 năm 2019. Thời hạn vay 11 tháng tính từ ngày 05/06/2019 đến ngày 05/05/2020, mục đích vay bổ sung vốn đầu tư vườn cà phê, cao su và tiêu. Ngày đến hạn trả nợ gốc: 05/05/2020.

Để bảo đảm cho khoản tiền vay ông Bùi Hoàng H và bà Đào Thị H1 đã thế chấp cho Ngân hàng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/3909758/HĐBĐ ngày 24 tháng 07 năm 2017 gồm:

Thửa đất số 02, 09 tờ bản đồ số 85 tại làng Gào, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 350410 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 02/03/2011 mang tên ông Nguyễn Hữu Tùng và bà Nguyễn Thị Thanh Thảo. Ngày 17/06/2016 chỉnh lý biến động sang tên cho ông Bùi Hoàng H và bà Đào Thị H1)*.

Từ khi vay cho đến nay ông Bùi Hoàng H đã trả cho Ngân hàng 21.062.137 đồng *(hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi hai nghìn một trăm ba mươi bảy đồng)* tiền lãi. Số tiền gốc và tiền lãi còn nợ lại ông Bùi Hoàng H vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã thông báo nợ và mời ông H đến làm việc để thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không đạt kết quả. Do đó, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Hoảng H pH trả các khoản nợ gồm:

+ Nợ gốc: **840.000.000** đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng);

+ Nợ lãi pH trả tính đến hết ngày 15/6/2022 là: **348.192.658** đồng *(Ba trăm bốn mươi tám triệu một trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng)*.

+ Lãi phát sinh từ ngày 16/6/2022 cho đến khi ông H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Trường hợp ông Bùi Hoàng H không trả hết nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc ông Bùi Hoàng H pH chịu theo quy định pháp luật.

** Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Bùi Hoàng H trình bày:*

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, ông H có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3909758/HĐTD với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ để vay số tiền 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng) với lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng tín dụng, mục đích vay bổ sung vốn đầu tư vườn cà phê, cao su và tiêu.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông H và vợ là bà Đào Thị H1 có thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ tài sản gồm: Thửa đất số 02, 09 tờ bản đồ số 85 tại làng Gào, xã

Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 350410 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 02/03/2011 mang tên ông Nguyễn Hữu Tùng và bà Nguyễn Thị Thanh Thảo. Ngày 17/06/2016 chỉnh lý biến động sang tên cho ông Bùi Hoàng H và bà Đào Thị H1).

Trong quá trình vay, từ ngày 05/06/2019 đến nay ông H có trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ 21.062.137 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi hai nghìn một trăm ba mươi bảy đồng) tiền lãi.

Ông H thừa nhận hiện còn nợ tiền gốc và tiền lãi như Ngân hàng đã trình bày. Nhưng do hiện tại, gia đình đang gặp khó khăn nên khi nào bán được đất thì mới có tiền để trả nợ cho Ngân hàng.

* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H1: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt. Do đó, hồ sơ không có lời khai, ý kiến của bà H1.

* Ngày 05 tháng 5 năm 2022 Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Bùi Hoàng H có mặt và trình bày ý kiến của mình nhưng không ký vào biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, nên lập biên bản về việc ông H từ chối ký biên bản.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Đức T trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Bùi Hoảng H pH trả các khoản nợ gồm:

+ Nợ gốc: **840.000.000** đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng);

+ Nợ lãi pH trả tính đến hết ngày 15/6/2022 là: **348.192.658** đồng *(Ba trăm bốn mươi tám triệu một trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng)*.

+ Lãi phát sinh từ ngày 16/6/2022 cho đến khi ông H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Trường hợp ông Bùi Hoàng H không tự nguyện trả hết nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Buộc ông Bùi Hoàng H pH chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

-Bị đơn ông Bùi Hoàng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H1 đều vắng mặt, nên không có ý kiến tại phiên tòa.

-Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên như sau:

+Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, đại diện nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

+Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ cung cấp và ý kiến trình bày của bị đơn ông Bùi

Hoàng H, thể hiện ông H có ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ để vay số tiền 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng), lãi suất được tính theo thỏa thuận của hai bên.

Để bảo đảm cho khoản vay, ông H và vợ là bà Đào Thị H1 đã thế chấp tài sản là các Thửa đất số 02, 09 tờ bản đồ số 85 tọa lạc tại làng Gào, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G. Tuy nhiên sau khi vay, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

+Buộc ông Bùi Hoàng H pH trả 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng)nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tính đến ngày 15/6/2022 và buộc ông H pH tiếp tục chịu tiền lãi tính từ ngày 16/6/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông H không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông H và bà H1 đã thế chấp là thửa đất số 02 và 09, tờ bản đồ số 85 có địa chỉ tại Làng Gào, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G.

+Về chi phí tố tụng: Buộc ông Bùi Hoàng H pH chịu theo pháp luật quy định và hoàn trả cho Ngân hàng.

+Về án phí:Buộc ông Bùi Hoàng H pH chịu án phí theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Hoảng H trả tiền nợ gốc đã vay và nợ lãi phat sinh do ông H không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận trong nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó quan hệ tranh chấp được xác định là " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Bùi Hoàng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H1 tại phiên tòa: Ông H và bà Hiễn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3909758/HĐTD ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/3909758/HĐBĐ ngày 24 tháng 07 năm 2017 và các chứng cứ khác do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ cung cấp thể hiện:

Ngày 05/6/2019, ông Bùi Hoàng H ký hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ với số tiền 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng)

với lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 11 tháng tính từ ngày 05/6/2019, mục đích vay bổ sung vốn đầu tư vườn cà phê, cao su và tiêu và thỏa thuận trả nợ gốc vào ngày 05/5/2020.

Để bảo đảm cho khoản tiền vay trên, ông Bùi Hoàng H và vợ là bà Đào Thị H1 đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với các thửa đất số 02, 09 tờ bản đồ số 85 có địa chỉ tại Làng Gào, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G. *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 350410 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 02/03/2011 mang tên ông Nguyễn Hữu Tùng và bà Nguyễn Thị Thanh Thảo. Ngày 17/06/2016 chỉnh lý biến động sang tên cho ông Bùi Hoàng H và bà Đào Thị H1)*.

Sau khi vay cho đến nay, ông Bùi Hoàng H chỉ mới trả 21.062.137 đồng *(hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi hai nghìn một trăm ba mươi bảy đồng)* tiền lãi mà không thực hiện việc trả nợ gốc khi đến hạn và nợ lãi phát sinh như thỏa thuận, cam kết được ghi trong Hợp đồng tín dụng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, yêu cầu trả nợ.

Do đó ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở. Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc ông Bùi Hoàng H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ các khoản nợ sau:

+ Về trả nợ gốc: **840.000.000** đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng);

+ Về trả nợ lãi pH trả tính đến hết ngày 15/6/2022 là: **369.254.795đ** (*(Ba trăm sáu mươi chín triệu hai trăm năm mươi tư ngàn bảy trăm chín mươi lăm đồng),* khấu trừ **21.062.137** đ *(Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi hai nghìn một trăm ba mươi bảy đồng)* đã trả, buộc ông H tiếp tục trả tiền lãi là: **348.192.658** đồng *(Ba trăm bốn mươi tám triệu một trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng)*.

Tổng nợ gốc và nợ lãi pH trả đến ngày xét xử (15/6/2022)là:**1.188.192.658** đ *(Một tỷ một trăm tám mươi tám triệu một trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng)*.

Cần tuyên ông Bùi Hoàng H pH chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tính từ ngày 16/5/2022 cho đến khi ông H trả xong toàn bộ số nợ cho ngân hàng.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Bùi Hoàng H không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông Bùi Hoàng H và bà Đào Thị H1 đã thế chấp gồm:

- Thửa đất số 02, 09 tờ bản đồ số 85 có địa chỉ tại xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 01880 do Uỷ ban nhân dân huyện Đ, tỉnh G cấp ngày 02 tháng 3 năm 2011 mang tên ông Nguyễn Hữu Tùng và bà Nguyễn Thị Thanh Thảo. Ngày 17/6/2016 được chỉnh lý biến động sang tên cho ông Bùi Hoàng H và bà Đào Thị H1.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2022, trên thửa đất số 02 có 600 cây cao su và trên thửa đất số 09 có 300 cây cao su đều trồng năm 2010 và theo ý kiến của Công chức địa chính xã Ia lang, huyện Đ cho biết, đến thời điểm thẩm định, thửa đất trên không có tranh chấp và Ý kiến của Cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G- Chi nhánh huyện Đ, hiện trạng thửa đất trên có vị trí và ranh giới phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Về trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ là 4.300.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, nên Ngân hàng không pH chịu chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ mà cần buộc ông Bùi Hoàng H pH chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ, nhưng Ngân hàng đã nộp đủ tiền tạm ứng, do đó cần buộc ông H pH hoàn trả cho ngân hàng.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên buộc ông Bùi Hoàng H pH chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 144, 147, 157, 158, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

2. Buộc ông Bùi Hoảng H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ các khoản nợ sau:

+ Nợ gốc: **840.000.000** đ (Tám trăm bốn mươi triệu đồng);

+ Nợ lãi đến hết ngày 15/6/2022: **348.192.658**đ *(Ba trăm bốn mươi tám triệu một trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng)*.

Tổng cộng: **1.188.192.658**đ *(Một tỷ một trăm tám mươi tám triệu một trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng)* và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16/5/2022 cho đến khi ông Bùi Hoàng H trả xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

3.Trường hợp ông Bùi Hoàng H không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông Bùi Hoàng H và bà Đào Thị H1 đã thế chấp theo hợp đồng bất động sản số 01/2017/3909758/HĐBĐ ngày 24 tháng 07 năm 2017 để thu hồi nợ bao gồm:

- Thửa đất số 02, 09 tờ bản đồ số 85 địa chỉ các thửa đất tại xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất số BD 350410 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 02/03/2011 mang tên ông Nguyễn Hữu Tùng và bà Nguyễn Thị Thanh Thảo. Ngày 17/06/2016 chỉnh lý biến động sang tên cho ông Bùi Hoàng H và bà Đào Thị H1.

4. Buộc ông Bùi Hoàng H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ **4.300.000**đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ.

5. Buộc ông Bùi Hoàng H pH chịu **47.645.779** đ *(bốn mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm bảy mươi chín đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là **22.133.047** đ (Hai mươi hai triệu một trăm ba mươi ba ngàn không trăm bốn mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006573 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh G.

6. Đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng pH phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKSND;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thanh